

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ X  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 18/5/2021  
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Ngọc Tiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Duy Thanh;
2. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân –Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa:

*1. Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1987, địa chỉ: số 164, tổ 4, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Trúc K, sinh năm 1989, địa chỉ: số 51/5B, tổ 10, phường CP, thành phố X, tỉnh An Giang.

Ông A vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà K vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Văn A trình bày:* Vào năm 2011, ông A và bà K tự tìm hiểu nhau nên tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố X, tỉnh An Giang.

Quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Cuộc sống chung không hạnh phúc nên ông A yêu cầu ly hôn với bà K.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông A và bà K có 01 (một) Huỳnh Yến Y, sinh ngày 10/01/2012. Hiện nay con chung Huỳnh Yến Y đang do vợ Nguyễn Thị Trúc K trực tiếp nuôi dạy; ông A đồng ý giao con chung cho bà K nuôi và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do bà K vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ông Huỳnh Văn A và bà Nguyễn Thị Trúc K có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Trong thời gian sống chung, ông A và bà K phát sinh mâu thuẫn, đã không còn sống chung với nhau từ năm 2014 cho đến nay, nhưng vẫn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông A yêu cầu ly hôn với bà K là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Ông A và bà K có 01 (một) con chung tên Huỳnh Yến Y, sinh ngày 10/01/2012 hiện do bà K nuôi dạy, ông A cũng đồng ý giao con chung cho bà K nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con, thông qua người thân bà K có yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Cháu Y có nguyện vọng sống cùng bà K. Xét việc giao con chung cho bà K nuôi dạy là phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng con chung, công nhận sự tự nguyện bà K về việc không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, yêu cầu của ông A là có căn cứ chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Trúc K. Bà K cư trú tại tổ 10, phường CP, thành phố X. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông A vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt; bà K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông A, bà K.

### [2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn A và bà Nguyễn Thị Trúc K chung sống với nhau từ năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CP, thị xã X (nay là thành phố X) theo giấy chứng nhận kết hôn số 35/2012, quyền số 02/2011 ngày 22/02/2012 nên là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.*

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng ông A, bà K đã không còn sống chung với nhau từ năm 2014 cho đến nay; vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến bà Nguyễn Thị Thùy Trang là mẹ ruột của bà K, bà Trang cho biết: Bà có nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và có thông báo cho bà K biết việc ông A khởi kiện ly hôn nhưng bà K hiện đang đi làm Bình Dương nên không về được, bà K cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông A; về con chung bà K yêu cầu tiếp tục nuôi dạy Huỳnh Yến Y, sinh ngày 10/01/2012, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì không có.

Từ những căn cứ nêu trên, nhận thấy mâu thuẫn gia đình giữa ông A với bà K là trầm trọng, đã không còn chung sống với nhau từ năm 2014 cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai, có kéo dài quan hệ hôn nhân

thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A về việc ly hôn với bà K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông A, bà K cùng xác định trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 (một) con chung tên Huỳnh Yến Y, sinh ngày 10/01/2012. Từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung đến nay, cháu Y sống cùng với bà K, bà Trang (là bà ngoại cháu Y), được chăm sóc tốt và cho đi học. Bà K có yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy là phù hợp với nguyện vọng cháu Y. Ông A cũng đồng ý giao cháu Y cho bà K tiếp tục nuôi dạy. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông A, giao cháu Huỳnh Yến Y, sinh ngày 10/01/2012 cho bà K tiếp tục nuôi dạy.

Bà Nguyễn Thị Trúc K cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Huỳnh Văn A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà K không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông A đã nộp.

Bà Nguyễn Thị Trúc K không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn A.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn A được ly hôn với bà Nguyễn Thị Trúc K.

[2] Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Trúc K được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Huỳnh Yến Y, sinh ngày 10/01/2012 cho đến tuổi trưởng thành. Ông Huỳnh Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Trúc K cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Huỳnh Văn A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004225 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X; ông A đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Trúc K không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2012, quyển số 02/2011, ngày 22/02/2012 của Ủy ban nhân dân phường CP, thị xã X (nay là thành phố) X, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[5] Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo của ông Huỳnh Văn A, bà Nguyễn Thị Trúc K là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. X (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.X (1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Ngọc Tiền**